

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỒNG THÁP **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2026/HS-ST;

Ngày: 06 tháng 7 năm 2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Nguyệt Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Công Minh**;

2. Ông **Ngô Văn Bi**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Hồ Hải Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 95/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Võ Nhựt T (tên thường gọi: ./.), sinh ngày 31 tháng 3 năm 2002 tại: tỉnh Đồng Tháp; Căn cước công dân số: 082202013309, cấp ngày 21 tháng 9 năm 2022. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi đăng ký thường trú: **ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp**; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: **Võ Thành P**, sinh năm 1974 và bà **Huỳnh Thị T1**, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện theo pháp luật của bị cáo **Võ Nhựt T**: ông **Võ Thành P**, sinh năm: 1974 và bà **Huỳnh Thị T1**, sinh năm: 1976. Cùng địa chỉ: **ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo **Võ Nhựt T**: Luật sư **Phan Thị Ngọc N** – **Văn phòng L** thuộc **đoàn luật sư tỉnh Đ**. (Có mặt)

- Bị hại: Anh **Nguyễn Văn N1**, sinh năm: 2002 (đã chết)

Địa chỉ: **Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp**.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại:

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: **Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp**.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Võ Thành P**, sinh năm: 1974. (Có mặt)

2/ Bà **Huỳnh Thị T1**, sinh năm: 1976. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: **ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp**.

- Người làm chứng:

1/ Anh **Tô Hoàng T2**, sinh năm: 2002. (Có mặt)

Địa chỉ: **Ấp N, xã L, tỉnh Đồng Tháp**.

2/ Anh **Lê Duy K**, sinh năm: 2002. (Có mặt)

Địa chỉ: **Ấp N, xã L, tỉnh Đồng Tháp**.

3/ Anh **Huỳnh Văn T3**, sinh năm: 2002. (Có mặt)

Địa chỉ: **Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Vào khoảng 16 giờ ngày 14/6/2025, sau khi đã sử dụng rượu bia có nồng độ còn trong máu là 73mg/dL, bị cáo **Võ Nhật T** điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63B5-552.49 của mình, phía sau chở anh **Nguyễn Văn N1** và anh **Huỳnh Văn T3**, lưu thông trên **đường T**, hướng từ **xã L đi phường G (xã L đi xã B cũ)**. Khi đến đoạn đường Cống kênh tiếp nước **Q thuộc ấp Q, xã L, tỉnh Đồng Tháp**, **T** điều khiển xe đụng vào cọc tiêu bên phải đường, va vào trụ cổng gây tai nạn. Hậu quả: **N1** tử vong tại chỗ; **T** và anh **T3** được đưa đi cấp cứu tại **bệnh viện Đ1** và **Bệnh viện C**.

- Biên bản khám nghiệm hiện trường lập lúc 18 giờ ngày 14/6/2025 ghi nhận:

Hiện trường của vụ án tại **Đường T**, đoạn thuộc **ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp Q, xã L, tỉnh Đồng Tháp)**. Đường hai chiều, trải dài theo trục **Đ – Tây**, có hướng Đông đi **chợ Q**, hướng Tây đi **cầu L**. Đường thẳng có tầm nhìn thông thoáng. Đoạn đường không có hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Có vạch kẻ tim đường dạng vạch đơn, nét đứt, màu vàng, chia mặt đường thành hai chiều.

Chọn mép đường hướng **N2** làm mép đường chuẩn; trụ điện số 25 ở lề đường hướng Bắc, cách mép đường chuẩn 06 mét 90 làm vật chuẩn để tiến hành đo đạc.

Trung tâm của hiện trường là đoạn đường đi qua mặt cống (cống tiếp nước thuộc **kênh Q**). Vị trí xảy ra tai nạn là vị trí vùng dấu vết đất bị cày xới, nằm ở lề đường

hướng Nam có kích thước 0 mét 45 x 0 mét 50, có tâm cách mép đường chuẩn 0 mét 40 (vị trí ban đầu của cọc tiêu).

- Bản kết luận giám định số 186-2025/KLGĐTT-TTPY ngày 16 tháng 06 năm 2025 của **Trung tâm pháp y tỉnh T** đối với Kết luận giám định tử thi **Nguyễn Văn N1**: Nguyên nhân tử vong tử thi **Nguyễn Văn N1**: Mất máu cấp do đứt lìa quai động mạch chủ. Vỡ tiểu nhĩ phải. Vỡ tâm nhĩ phải. Dập phổi phải. Rách gan. Gãy xương sườn./Tai nạn giao thông. Kết quả xét nghiệm nồng độ Alcool (Cồn) trong máu tử thi **Nguyễn Văn N1**: 170.081mg/dL (36.91mmol/L)

- Bản kết luận giám định số 037/2026/KLGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 của **Trung tâm P1** đối với giám định tình trạng tâm thần của bị cáo **Võ Nhựt T** như sau:

Kết luận theo tiêu chuẩn y học:

- Trước, trong khi gây án: đương sự không bệnh lý tâm thần.
- Sau khi gây án và hiện tại (tại thời điểm giám định): Đương sự có bệnh lý tâm thần: Hội chứng sau chấn động não (F07.2-ICD10), mức độ suy não chấn thương.

Kết luận về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi:

- Tại thời điểm gây án: đương sự đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.
- Hiện tại (tại thời điểm giám định): đương sự hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, do bệnh ở mức độ suy não chấn thương;

Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát nêu là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng số 131/CT-VKSKV2 ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Võ Nhựt T** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

+ Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; ngày 10 tháng 07 năm 2025 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án.

+ Về vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo Giấy phép lái xe hạng A1, số 820201006931 **Sở Giao thông vận tải tỉnh T** cấp cho **Võ Nhựt T**.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho đại diện theo pháp luật bị hại số tiền 60.000.000 đồng. Phía đại diện theo pháp luật bị hại không yêu cầu bồi thường thêm. Anh T3 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Võ Nhựt T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát vì các lý do sau: Thứ 1: Bị cáo thành khẩn khai báo và có thiện chí khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại. Thứ 2: Hiện nay bị cáo bị hạn chế năng lực hành vi dân sự do chấn thương não, xương hàm của bị cáo bị lệch cần phải phẫu thuật sớm nhưng gia đình bị cáo chưa có tiền để phẫu thuật nên việc ăn uống của bị cáo trong thời gian này gặp rất nhiều khó khăn. Thứ 3: Phía bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là xin cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo, đại diện theo pháp luật bị hại không tranh luận và bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo ở ngoài tiếp tục chữa bệnh và làm người tốt không vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] + Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T (nay là tỉnh Đồng Tháp), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] + Về nội dung:

1. Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Võ Nhựt T thừa nhận hành vi phạm tội của mình là do bị cáo sử dụng rượu bia (nồng độ cồn trong máu 73mg/dL), bị cáo điều khiển xe điều khiển xe mô tô biển số 63B5-552.49, phía sau chở anh Nguyễn Văn N1 và anh Huỳnh Văn T3, lưu thông trên đường T, hướng từ xã L đi phường G (xã L đi xã B cũ). Khi đến đoạn đường Cống kênh tiếp nước Q thuộc ấp Q, xã L, tỉnh Đồng Tháp không đi đúng phần đường đụng vào cọc tiêu bên phải đường, va vào trụ cống gây tai nạn, hậu quả làm anh N1 tử vong. Hành vi của bị cáo phù hợp với cáo trạng, kết luận điều tra, lời khai nhân chứng, sơ đồ và biên bản khám nghiệm hiện trường. Do đó, có đủ căn cứ xác định bị cáo Võ Nhựt T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

2. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác. Do vậy cần xử phạt nghiêm bị cáo là cần thiết cho công tác phòng chống tội phạm, răn đe bị cáo và giáo dục chung cho toàn xã hội.

3. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường xong tất cả các chi phí theo yêu cầu của gia đình bị hại, đại diện gia đình bị hại có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo và hiện nay bị cáo đang bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Do vậy cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

4. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

5. Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong người đang mang bệnh xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo ngày 10 tháng 07 năm 2025 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

6. Về trách nhiệm dân sự: Phía bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong không yêu cầu gì thêm. Phía anh **T3** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

7. Về xử lý vật chứng: Do bằng lái xe của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp quy định pháp luật.

- Trả lại bị cáo Giấy phép lái xe hạng A1, số 820201006931 **Sở Giao thông vận tải tỉnh T** cấp cho **Võ Nhựt T**.

8. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

9. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

10. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

11. Qua ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Võ Nhựt T** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

2/ Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự. ngày 10 tháng 07 năm 2025 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

3/ Xử phạt: Bị cáo **Võ Nhựt T** 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 06 tháng 7 năm 2026.

Giao bị cáo **Võ Nhựt T** cho Ủy ban nhân dân xã **L**, tỉnh Đồng Tháp giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

4/ Về vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại bị cáo Giấy phép lái xe hạng A1, số 820201006931 **Sở Giao thông vận tải tỉnh T** cấp cho **Võ Nhựt T**

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/7/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ**)

5/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

6/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7/ Bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Long Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo; Đại diện theo pháp luật bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ, AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nguyệt Hồng